



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Ngày ký: 22-08-2021 15:56:46 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **49**/2021/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày **11** tháng **8** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý giá và điều tiết giá
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2185/STC-QLGCS ngày 20/7/2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 147/BC-STP ngày 14/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/8/2021 và thay thế, bãi bỏ các Quyết định: số 41/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014, số 85/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016, số 12/2017/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 và số 16/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, CV;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P.KSTTHC, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng



QUY ĐỊNH
Về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá, hiệp thương giá, công khai thông tin về giá; các điều kiện, biện pháp và thẩm quyền quyết định thực hiện việc bình ổn giá; công tác kiểm tra yếu tố hình thành giá, định giá của Nhà nước; sự phân công, phân cấp trong tổ chức thực hiện quản lý, điều tiết, bình ổn giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá; hiệp thương giá; định giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; công khai thông tin về giá trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý giá, điều tiết giá

1. Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các hoạt động điều tiết giá theo Quy định này để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

3. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đảm bảo phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường; có tính đến các chính sách, biện pháp về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chương II

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Mục I. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được điều chỉnh, bổ sung trong từng thời kỳ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Trường hợp thực hiện các biện pháp bình ổn giá

1. Khi giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ tại Điều 4 Quy định này có biến động bất thường xảy ra trên địa bàn tỉnh trong các trường hợp sau:

a) Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý so với mức tăng hoặc giảm giá do tác động của các yếu tố hình thành giá được tính theo các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương pháp tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng hoặc giảm bất hợp lý trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung - cầu tạm thời;

c) Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng hoặc giảm không hợp lý do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lạm dụng vị thế độc quyền, thống lĩnh thị trường, liên kết độc quyền về giá trái với quy định của Luật Cạnh tranh và pháp luật khác có liên quan.

2. Khi mặt bằng giá biến động làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế xã hội, gây tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định các biện pháp bình ổn giá

Thực hiện theo khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về giá trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh;



b) Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; áp dụng các biện pháp về tài chính, hỗ trợ về giá phù hợp với các quy định pháp luật và các cam kết quốc tế;

c) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước quy định;

d) Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc chấp hành các biện pháp bình ổn giá của Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về niêm yết giá, bán hàng theo giá niêm yết; việc đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá; phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm quy định của Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình diễn biến giá thị trường và kết quả thực hiện các biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá đã được Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố áp dụng tại địa phương.

2. Sở Công Thương, Cục Quản lý thị trường

Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát thị trường; kiểm soát hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn; điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn.

3. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh

Tổ chức thực hiện các biện pháp về tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật để tham gia bình ổn giá tại địa phương theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cục Hải quan tỉnh

Định kỳ hàng tháng và khi có biến động giá, có trách nhiệm gửi bản thống kê giá hàng hóa xuất, nhập khẩu đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp báo cáo.

Điều 8. Đăng ký giá

1. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các trường hợp thực hiện đăng ký giá gồm:



a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn.

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ.

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến.

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện đăng ký giá bán lẻ.

đ) Việc đăng ký giá bán đối với mặt hàng muối ăn, thóc, gạo tẻ thường do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng này (không bao gồm nông dân và diêm dân) thực hiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mua trực tiếp muối ăn của diêm dân; thóc, gạo tẻ thường của nông dân thì phải đăng ký giá mua muối ăn của diêm dân; giá mua thóc, gạo tẻ thường của nông dân.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách Thông báo thực hiện đăng ký giá tại Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc cung cấp thông tin đó.

3. Biểu mẫu đăng ký giá

Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 và Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Cơ quan chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

a) Ở cấp tỉnh

- Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10 Phụ lục I của Quy định này;

- Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 8 Phụ lục I của Quy định này;

- Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 11 Phụ lục I của Quy định này;

- Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Y tế (sở quản lý ngành) chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này của các tổ chức sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả các chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở Trung ương (Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Y tế), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của các Bộ quản lý ngành theo thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cụ thể danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký giá; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

b) Ở cấp huyện

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này của các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể (bao gồm cả đại lý của cá nhân có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn do mình quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát gửi Sở Tài chính tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể đóng trên địa bàn của địa phương thực hiện đăng ký giá; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Cá nhân, hộ kinh doanh cá thể là đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đại lý đặt trụ sở chính về việc đại lý tại đây không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; chủ động cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của việc cung cấp thông tin đó.

5. Cách thức thực hiện đăng ký giá

a) Đối với cơ quan chưa triển khai tiếp nhận trực tuyến hồ sơ đăng ký giá



Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 và khoản 5 Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Đối với cơ quan triển khai tiếp nhận trực tuyến hồ sơ đăng ký giá

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá của các tổ chức, doanh nghiệp tại trang website: <https://dichvucong.binhdingh.gov.vn> và <https://dlg.binhdingh.gov.vn>.

c) Cách thức thực hiện đăng ký giá đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế; đối với mặt hàng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận trong việc thực hiện đăng ký giá

a) Có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra thành phần, số lượng của Biểu mẫu; đóng dấu đến và ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản, biểu mẫu; rà soát nội dung đăng ký giá. Trường hợp các biểu mẫu được lập không đủ thành phần, số lượng theo quy định của Bộ Tài chính thì chậm nhất sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biểu mẫu, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản chuyển trả Biểu mẫu để tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoàn thiện Biểu mẫu. Trường hợp trong Biểu mẫu đăng ký giá có yếu tố hình thành giá không hợp lý thì các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giải trình mức giá đăng ký và thực hiện đăng ký lại.

Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều này, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

b) Được sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân đăng ký vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết;

c) Có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

d) Có trách nhiệm bảo mật đối với Biểu mẫu đăng ký giá, bản thuyết minh cơ cấu hình thành giá; bảo mật mức giá đăng ký của tổ chức, cá nhân trong thời gian mức giá đăng ký chưa có hiệu lực thực hiện.

7. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8. Thời hạn áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với từng mặt hàng tối đa không quá 06 tháng.

9. Hàng hóa, dịch vụ khác mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Mục II. ĐỊNH GIÁ

Điều 9. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá

1. Hàng hóa, dịch vụ sau đây thuộc quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- a) Giá các loại đất;
- b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Khung giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- đ) Giá nước sạch sinh hoạt;
- e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
- g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
- h) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- i) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư



bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

k) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

l) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

m) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Việc định giá đối với các tài sản thuộc sở hữu nhà nước hoặc tài sản xác lập quyền sở hữu của Nhà nước có quy định riêng thì áp dụng theo quy định đó, không áp dụng theo Quy định này.

Điều 10. Trình tự, quy trình thẩm định phương án giá; hồ sơ phương án giá, nội dung phương án giá; thời hạn thẩm định và quyết định giá; trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc lập phương án giá

1. Trình tự, quy trình lập, thẩm định, trình phê duyệt phương án giá

a) Bước 1: Lập, thẩm định phương án giá

Các đơn vị, Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập phương án giá theo lĩnh vực được phân công, gửi Sở Tài chính thẩm định.

Trường hợp Sở quản lý chuyên ngành được phân công xây dựng, trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Bước 2: Trình phê duyệt phương án giá

Sau khi thẩm định xong, Sở Tài chính hoặc Sở quản lý chuyên ngành được phân công có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định.

c) Bước 3: Quyết định phê duyệt phương án giá

2. Hồ sơ, biểu mẫu phương án giá

a) Hồ sơ phương án giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Biểu mẫu theo quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 và Khoản 7 Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Thời gian thẩm định giá và quyết định phê duyệt phương án giá

a) Thời gian các cơ quan chủ trì thẩm định phương án giá không quá 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định. Đối với những trường hợp có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính đối với phương án giá do Sở quản lý chuyên ngành xây dựng, trình phê duyệt thì thời gian thẩm định của Sở Tài chính không quá 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định.

Riêng thẩm định giá đất và đơn giá thuê đất thực hiện theo các văn bản quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

b) Thời gian quyết định phê duyệt phương án giá không quá 08 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định.

c) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thời gian thẩm định, quyết định phê duyệt phương án giá thì cơ quan, đơn vị chủ trì thẩm định và cơ quan có thẩm quyền quyết định giá có văn bản nêu rõ lý do phải kéo dài thêm thời gian để cho đơn vị trình phương án giá biết, thời gian kéo dài thêm không quá 15 ngày (ngày làm việc) cho mỗi quy trình.

4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân lập phương án giá trong việc trình thẩm định, phê duyệt

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các định mức, căn cứ và những thông tin có liên quan đến các yếu tố hình thành giá.

b) So sánh, phân tích và giải trình tính hợp lý, hợp lệ về mức giá đề xuất.

c) Thực hiện đúng quyết định giá của cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định giá và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong việc lập, thẩm định, trình phê duyệt phương án giá, quy định các loại giá

1. Đối với quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định

a) Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.



b) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế): Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án giá, quy định các loại giá trên cơ sở báo cáo đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương

a) Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự thảo Bảng giá đất gửi Hội đồng thẩm định bảng giá đất của tỉnh (Sở Tài chính là cơ quan thường trực Hội đồng) thẩm định, ban hành văn bản thẩm định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành.

b) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua trước khi ban hành.

c) Giá đất cụ thể đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án giá, gửi Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh (Sở Tài chính làm thường trực Hội đồng) thẩm định, ban hành văn bản thẩm định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Khung giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xây dựng khung giá rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

đ) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật nhà ở:

Sở Xây dựng căn cứ quy định hiện hành, xây dựng phương án giá, gửi Hội đồng thẩm định giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội và xác định khung giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

e) Giá nước sạch sinh hoạt:

Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng phương án giá nước sạch gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Giá cho thuê tài sản là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh:

Đơn vị được giao quản lý công trình kết cấu hạ tầng xây dựng phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

h) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng nguồn ngân sách tỉnh:

Đơn vị sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ xây dựng phương án giá, lấy ý kiến thẩm định của sở chuyên ngành về khối lượng, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật và gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

i) Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá trên cơ sở danh mục sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và mức giá tối đa của Bộ Tài chính ban hành; gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

k) Giá cụ thể đối với Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

l) Giá cụ thể đối với Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có ý kiến thống nhất; gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.



m) Giá tối đa đối với Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có ý kiến thống nhất; gửi Sở Tài chính thẩm định, xây dựng giá tối đa trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

n) Khung giá đối với Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có ý kiến thống nhất; gửi Sở Tài chính thẩm định, xây dựng khung giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

o) Giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ nguồn ngân sách nhà nước:

Sở Giao thông vận tải xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

p) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

q) Giá cây cối, hoa màu, vật nuôi để phục vụ cho công tác bồi thường khi nhà nước thu hồi đất:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng phương án, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

r) Đơn giá nhà, vật kiến trúc, các thành phần công việc trong xây dựng để tính bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất:

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng, gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

s) Giá các loại gỗ tịch thu, gỗ tận thu, tận dụng khai thác từ các công trình, dự án:

Cơ quan, đơn vị được giao quản lý hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

t) Giá tính thuế tài nguyên:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

u) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ mà địa phương xét thấy cần thiết phải quản lý giá.

Điều 12. Điều chỉnh mức giá đối với mặt hàng do Nhà nước định giá

1. Điều kiện thực hiện điều chỉnh giá: Khi các yếu tố hình thành giá có biến động làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất, ảnh hưởng đến đời sống thì cơ quan có thẩm quyền quyết định giá kịp thời xem xét, điều chỉnh giá.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá có quyền kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật, nhưng phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trình tự, thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 10 Quy định này.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì cơ quan có thẩm quyền định giá phải trả lời bằng văn bản.

Mục III. HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 13. Hiệp thương giá

1. Đối với một số hàng hóa, dịch vụ khi bên bán và bên mua không thỏa thuận được giá thì được quyền yêu cầu cơ quan quản lý giá theo quy định tiến hành hiệp thương giá khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

c) Theo đề nghị của một trong hai bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán khi các bên không thảo thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng hoặc theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức hiệp thương giá

a) Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn.

b) Việc hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ cụ thể mà pháp luật chuyên ngành có quy định riêng thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

3. Hồ sơ hiệp thương giá

a) Văn bản đề nghị hiệp thương giá của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bên bán; hoặc văn bản chỉ đạo yêu cầu hiệp thương giá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hàng hóa, dịch vụ cần hiệp thương giá.

b) Phương án giá hiệp thương

- Bên bán đề nghị hiệp thương giá thì bên bán thực hiện lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá giải trình những nội dung sau:

+ Tình hình sản xuất, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, cung cầu của hàng hóa, dịch vụ;

+ Phân tích mức giá đề nghị hiệp thương: so sánh với giá hàng hóa, dịch vụ tương tự trên thị trường; các căn cứ tính giá; lập bảng chi tiết các yếu tố hình thành giá, phân tích thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với các yếu tố hình thành giá trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm); phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh; thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

+ Những vấn đề mà bên bán chưa thống nhất được với bên mua, lập luận của bên bán về những vấn đề chưa thống nhất; đề xuất mức giá hiệp thương;

+ Các kiến nghị (nếu có).

- Bên mua đề nghị hiệp thương giá thì bên mua thực hiện lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá giải trình những nội dung sau:

+ Lập bảng chi tiết các yếu tố hình thành giá của hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất ra tính theo giá đầu vào mới mà bên mua dự kiến đề nghị mua và bảng chi tiết các yếu tố hình thành giá nếu bên mua phải mua theo giá dự kiến của bên bán. Thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với mức giá đầu vào trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá);

+ So sánh với giá hàng hóa, dịch vụ tương tự trên thị trường;

+ Phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh, việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, khả năng chấp nhận của người tiêu dùng;

+ Những vấn đề mà bên mua chưa thống nhất với bên bán, lập luận của bên mua về những vấn đề chưa thống nhất; đề xuất mức giá hiệp thương;

+ Các kiến nghị khác (nếu có).

- Trường hợp bên mua và bên bán đều đề nghị hiệp thương giá thì hai bên thỏa thuận thống nhất bên mua hoặc bên bán lập phương án giá hiệp thương theo hướng dẫn trên.

- Trường hợp hiệp thương giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cả hai bên mua và bên bán lập phương án giá hiệp thương theo hướng dẫn trên.

c) Mẫu Hồ sơ hiệp thương giá được hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thành phần và trình tự hiệp thương giá

a) Thành phần tham gia tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá, đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành; đại diện của bên mua, bên bán và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

b) Trình tự hiệp thương giá

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hiệp thương giá theo quy định trong thời hạn 05 ngày (ngày làm việc), cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá quyết định thời gian cụ thể tiến hành hội nghị hiệp thương giá, thông báo bằng văn bản cho các bên tham gia hiệp thương giá biết. Trong trường hợp hồ sơ hiệp thương giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không đúng theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá thông báo bằng văn bản yêu cầu các bên tham gia hiệp thương giá biết để hoàn chỉnh theo quy định.



- Cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá trình bày mục đích, yêu cầu, nội dung hiệp thương giá; yêu cầu bên mua, bên bán trình bày hồ sơ, phương án hiệp thương giá; đồng thời, lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trực tiếp tham gia hiệp thương giá.

- Cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá kết luận và ghi biên bản (có chữ ký của cơ quan tổ chức hiệp thương giá, đại diện bên mua, đại diện bên bán), sau đó có văn bản thông báo kết quả hiệp thương giá để hai bên mua và bán thực hiện.

Trường hợp bên mua hoặc bên bán hoặc cả bên mua và bên bán đề nghị hiệp thương giá thì bên mua và bên bán có quyền rút lại Hồ sơ Hiệp thương giá để tự thỏa thuận về mức giá mua, giá bán của hàng hóa, dịch vụ trước khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá và phải báo cáo mức giá đã thỏa thuận và thời gian thực hiện mức giá đó cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

5. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức hiệp thương giá

a) Trong thời hạn tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hiệp thương giá của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc nhận đề nghị hiệp thương giá của bên mua hoặc bên bán, đồng thời nhận đủ hồ sơ hiệp thương giá theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm phải tổ chức hiệp thương giá theo quy định.

b) Trước thời điểm tổ chức hiệp thương giá, Sở Tài chính có trách nhiệm tiến hành thu thập, phân tích những thông tin cần thiết có liên quan đến hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá; phân tích các yếu tố hình thành giá ảnh hưởng đến bên bán và bên mua, tạo điều kiện để hai bên mua và bán thống nhất với nhau về mức giá; quyết định mức giá hiệp thương thực hiện theo quy định của pháp luật để bên mua và bên bán thi hành.

6. Kết quả hiệp thương giá

a) Kết quả hiệp thương giá được quyết định trên cơ sở bên mua và bên bán chấp thuận; theo đó các bên có trách nhiệm phải thực hiện. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá (Sở Tài chính) quyết định giá tạm thời để hai bên thực hiện.

b) Quyết định giá tạm thời do Sở Tài chính công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo cơ quan tổ chức hiệp thương biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện.

Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

Mục IV. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 14. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá;
- b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

- a) Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;
- b) Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, kê khai giá theo Quy định này;
- c) Hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trình tự kiểm tra yếu tố hình thành giá được tiến hành như sau:

a) Bước 1: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá có văn bản yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá và gửi đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm tra các yếu tố hình thành giá;

b) Bước 2: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá như sau:

- Phương án tính giá hàng hóa, dịch vụ được lập theo phương pháp định giá chung do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn phương pháp định giá với từng lĩnh vực cụ thể do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo phương pháp định giá phù hợp do doanh nghiệp tự thực hiện; các tài liệu, sổ sách, chứng từ phục vụ việc lập phương án giá (bản chính hoặc bảo sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền); Bảng định mức kinh tế kỹ thuật mà tổ chức, cá nhân đang áp dụng để xác định giá thành của hàng hóa, dịch vụ;

- Tình hình lưu chuyển hàng hóa (tồn kho đầu năm, đầu quý, đầu tháng; nhập và xuất trong năm, trong quý, trong tháng; tồn kho cuối năm, cuối quý, cuối tháng) và cung ứng dịch vụ;

- Báo cáo tài chính có kiểm toán của năm liên quan đến việc kiểm tra các yếu tố hình thành giá;

- Tài liệu khác liên quan đến nội dung kiểm tra các yếu tố hình thành giá.

c) Bước 3: Tiến hành kiểm tra yếu tố hình thành giá.

d) Bước 4: Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá.

4. Cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá

a) Thời hạn một lần kiểm tra tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm tra thì cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra; thời hạn kiểm tra kéo dài không quá 15 ngày làm việc;

b) Trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra các yếu tố hình thành giá, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

6. Các biện pháp xử lý vi phạm

a) Căn cứ kết quả kiểm tra, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện xử lý hành vi vi phạm theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

b) Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các yếu tố hình thành giá chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục V. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ GIÁ

Điều 15. Công khai thông tin về giá

1. Phạm vi công khai thông tin về giá

a) Cơ quan quản lý nhà nước về giá có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

- Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của Nhà nước.
- Các quyết định về giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Các mức giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định gắn với thông số kinh tế - kỹ thuật cơ bản của hàng hóa, dịch vụ đó.

b) Việc công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức công khai

a) Hợp báo.

b) Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Niêm yết giá theo quy định.

d) Các hình thức khác.

đ) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện khuyến mại giảm giá thực hiện công khai theo quy định của Luật Thương mại.

3. Trách nhiệm trong việc công khai thông tin về giá

a) Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm công khai các văn bản về chế độ, chính sách giá, các quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của cơ quan nhà nước.

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, cung ứng và quyết định giá.

c) Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa tin chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo các quy định hiện hành.

Chương III

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Mục I. KÊ KHAI GIÁ

Điều 16. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá thực hiện theo Phụ lục II đính kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trong từng thời kỳ.

Điều 17. Tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện kê khai giá bằng việc gửi thông báo mức giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi văn bản kê khai giá để thông báo mức giảm giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các trường hợp thực hiện kê khai giá gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến (nếu có);

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách Thông báo thực hiện kê khai giá tại Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cụ thể danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai giá.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin đó.

3. Mẫu văn bản kê khai giá và mẫu thông báo mức giá

a) Mẫu văn bản kê khai giá thực hiện theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân có chính sách khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng thì ghi rõ trong văn bản kê khai giá tên đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng và mức khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu.

b) Mẫu thông báo mức giá thực hiện theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Cơ quan chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá

a) Ở cấp tỉnh



- Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 1, khoản 2 Phụ lục II của Quy định này;

- Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Phụ lục II của Quy định này;

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, k, p khoản 1 Phụ lục II của Quy định này;

- Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Phụ lục II của Quy định này;

- Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế (các sở quản lý ngành) chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá của các sở quản lý ngành quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này; hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy định này của các tổ chức sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả các chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá ở trung ương (Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của các bộ quản lý ngành theo thẩm quyền; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện đúng quy định.

b) Ở cấp huyện

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá, hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá của các sở quản lý ngành quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này và hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy định này **của các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể** (bao gồm cả đại lý của cá nhân có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn do mình quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát gửi Sở Tài chính tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể đóng trên địa bàn của địa phương thực hiện kê khai giá; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá quy định tại Điều 17 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

5. Cách thức thực hiện kê khai giá

a) Đối với cơ quan chưa triển khai tiếp nhận trực tuyến hồ sơ kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Đối với cơ quan triển khai tiếp nhận trực tuyến hồ sơ kê khai giá

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, doanh nghiệp tại trang website: <https://dlg.binhdingh.gov.vn>. Đối với lĩnh vực dịch vụ lưu trú, thực hiện tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, doanh nghiệp tại trang website: <https://quanlyluutru.binhdingh.gov.vn>.

c) Cách thức thực hiện kê khai giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế; đối với cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá trong việc tiếp nhận văn bản

a) Có quyền sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân kê khai vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết;

b) Có quyền rà soát nội dung văn bản kê khai giá do tổ chức, cá nhân kê khai, bao gồm rà soát về ngày thực hiện mức giá kê khai, bảng kê khai mức giá, phần giải trình lý do điều chỉnh giá; yêu cầu bằng văn bản các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.

c) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra về thành phần, số lượng văn bản, trường hợp văn bản có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận văn bản thực hiện đóng dấu công văn đến có ghi ngày tháng năm tiếp nhận vào văn bản và trả ngay 01 văn bản cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp hoặc chuyển ngay theo đường bưu điện 01 văn bản cho tổ chức, cá nhân đã gửi văn bản theo đường công văn, fax hoặc thư điện tử; đồng thời, chuyển ngay 01 văn bản đến lãnh đạo cơ quan, phòng, ban nghiệp vụ có thẩm quyền.

d) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra về thành phần, số lượng văn bản, trường hợp văn bản không đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận văn bản ghi rõ lý do trả lại, các nội dung cần bổ sung và trả lại ngay văn bản cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp; hoặc tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan tiếp nhận văn bản thông báo bằng công văn, fax hoặc thư điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá nộp bổ sung thành phần, số lượng văn bản. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần, số lượng văn bản theo quy định và nộp lại cho cơ quan tiếp nhận văn bản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận văn bản thông báo bằng văn bản qua đường công văn, fax, thư điện tử yêu cầu bổ sung đủ thành phần, số lượng văn bản. Ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ thành phần, số lượng văn bản được tính là ngày tiếp nhận văn bản, cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận vào văn bản.

đ) Trình tự tiếp nhận, kiểm tra và trả kết quả cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện kê khai giá tại trang website: <https://dlg.binhdinhh.gov.vn> và <https://quanlyluutru.binhdinhh.gov.vn> theo quy định tại điểm c, d khoản 6 Điều này.

e) Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi văn bản đến cơ quan tiếp nhận văn bản. Cơ quan tiếp nhận văn bản kiểm tra về thành phần, số lượng văn bản theo quy định tại điểm a, b khoản 6 Điều này và yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần, số lượng văn bản theo quy định để lưu trữ đầy đủ hồ sơ kê khai giá phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quyền hạn và trách nhiệm quy định tại khoản 6 Điều này.

g) Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về tiếp nhận văn bản quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

h) Có trách nhiệm bảo mật mức giá kê khai của tổ chức, cá nhân trong thời gian mức giá kê khai chưa có hiệu lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8. Đối với các hàng hóa, dịch vụ mà Nhà nước có quy định riêng về kê khai giá thì áp dụng theo quy định đó.

Mục II. NIÊM YẾT GIÁ

Điều 18. Địa điểm thực hiện niêm yết giá



1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh (có quầy giao dịch và bán sản phẩm).
2. Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ theo quy định của pháp luật, cửa hàng, cửa hiệu, ki-ốt, quầy hàng, nơi giao dịch thực hiện việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
3. Hội chợ triển lãm có bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
4. Các địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Cách thức niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện niêm yết giá theo các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết. Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được bán cao hơn hoặc mua thấp hơn giá niêm yết.
2. Đồng tiền niêm yết giá là Đồng Việt Nam trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng.
3. Giá niêm yết là giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố
 - a) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Chi cục Thuế và các phòng ban có liên quan triển khai thực hiện các nội dung quản lý theo thẩm quyền tại Quy định này.
 - b) Tổ chức kiểm tra việc đăng ký giá, kê khai giá; niêm yết giá; bán theo giá đã đăng ký, kê khai và xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá, bán theo giá đã đăng ký, kê khai theo thẩm quyền.



c) Thực hiện theo dõi, thu thập phân tích thông tin và dự báo giá cả thị trường trên địa bàn đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, phải kê khai giá theo định kỳ vào ngày đầu tháng và ngày 15 của tháng cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

d) Trường hợp các hàng hóa, dịch vụ nêu tại điểm c khoản này và các hàng hóa thiết yếu khác trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố có hiện tượng tăng, giảm giá đột biến do các hành vi tin đồn thất thiệt, đầu cơ găm hàng, liên kết độc quyền mua, độc quyền bán thì báo cáo khẩn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để quyết định các giải pháp kịp thời bình ổn giá.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì triển khai, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nội dung về quản lý giá, điều tiết giá, bình ổn giá tại Quy định này; tổng hợp, báo cáo các nội dung liên quan cho Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo thời gian quy định.

b) Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Luật Giá và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.

3. Đối với các sở quản lý ngành (như Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế...) và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm đề nghị quy định ban hành, sửa đổi, bổ sung hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá thuộc thẩm quyền quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ (ngoài danh mục Trung ương quy định và văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá, kê khai giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền).

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá theo quy định; đồng thời các sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá thực hiện đúng quy định.

c) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính thực hiện hiệp thương giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá, định giá theo đúng quy định pháp luật.

d) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát,

đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương, gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.

5. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các quy định quản lý giá của Nhà nước, các chủ trương, chính sách bình ổn giá của Nhà nước; công bố thông tin về giá theo đúng quy định tại Điều 15 của Quy định này.

6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo Quy định này phải thực hiện các biện pháp bình ổn giá của Nhà nước; lập phương án giá, đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo đúng quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về giá trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý giá; cung cấp thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của đơn vị. Trường hợp cần thiết, khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ có liên quan phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác số liệu, tài liệu có liên quan về chi phí sản xuất, định mức kinh tế - kỹ thuật; các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán để phục vụ quá trình thực thi công vụ của Nhà nước.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Những nội dung không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về lĩnh vực giá. *Đ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

**PHỤ LỤC I****DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 49/2021/QĐ-UBND
ngày 11/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
2. Điện bán lẻ;
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
4. Phân đạm urê; phân NPK;
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;
11. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.



PHỤ LỤC II

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND
ngày 11/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định của Bộ Tài chính

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Dịch vụ tại cảng biển;

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không không thuộc danh mục nhà nước quy định khu vực giá;

h) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

i) Sách giáo khoa;

k) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

- a) Dịch vụ giá vé tham quan (vé vào cổng) các điểm du lịch, khu du lịch;
- b) Dịch vụ lưu trú./.

